

Bản án số: 51/2022/DS-ST  
Ngày: 23-9-2022  
V/v: “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Nguyễn Trần Nguyên Vỹ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hồng Quang Minh;
2. Ông Lương Văn Ánh.

**- Thư ký phiên tòa:** ông Nguyễn Văn Liêm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 47/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2022 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 139/2022/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng N.

Địa chỉ: số 02 đường L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo Quyết định số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019):* ông Nguyễn Văn H, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh huyện Q, tỉnh Quảng Nam. *Có mặt.*

Địa chỉ: số 14 P, thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

**2. Bị đơn:**

- Ông Võ D, sinh năm 1979. *Có mặt.*

- Bà Đặng Thị Kim K, sinh năm 1984. *Vắng mặt.*

Cùng địa chỉ: tổ dân phố L, thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/6/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông H trình bày:*

Ngày 12/11/2019, ông Võ D và bà Đặng Thị Kim K làm phương án sử dụng vốn phục vụ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh, mục đích vay: chăn nuôi, trồng trọt, buôn bán. Sau khi xem xét, Ngân hàng đồng ý giải quyết cho vay số tiền 50.000.000 đồng, ngân hàng giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 993076 và tài sản gắn liền với đất (theo Giấy cam kết quyền sở hữu tài sản). Theo Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ ngày 08/12/2020 thì ông D, bà K đã nhận số tiền vay là 49.000.000 đồng, thời hạn vay: 36 tháng, ngày trả nợ cuối cùng: 08/12/2023, lãi suất vay: 9.5%/năm, lãi suất nợ quá hạn: 14.25%/năm. Đến hạn trả nợ, Ngân hàng đã thông báo và nhiều lần trực tiếp làm việc yêu cầu ông D, bà K trả nợ nhưng không đem lại kết quả. Hiện nay, khoản nợ đã quá hạn nhưng ông D, bà K vẫn cố tình chây ỳ, không chịu trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng. Nay ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông D, bà K trả tổng số tiền nợ là 53.990.242 đồng, trong đó nợ gốc là 48.200.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 23/9/2022 gồm lãi trong hạn 5.670.433 đồng, lãi quá hạn 119.809 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên.

*Tại bản tự khai ngày 20/7/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn - ông D trình bày:* vào ngày 08/12/2020, ông ủy quyền cho vợ là bà Đặng Thị Kim K vay vốn của ngân hàng số tiền 49.000.000 đồng, lãi suất 9,5%/năm, thời hạn vay 36 tháng. Ông và bà K đã nhận đủ số tiền vay trên. Quá trình thực hiện hợp đồng ông và bà K đã trả cho ngân hàng số tiền nợ gốc là 800.000 đồng và nợ lãi là 3.145.000 đồng. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên ông và bà K chưa trả cho ngân hàng số tiền nợ còn lại. Nay ngân hàng yêu cầu ông và bà K trả tổng số tiền nợ là 53.990.242 đồng, ông thống nhất trả nợ nhưng xin cho thêm thời gian trả nợ. Ông không trình bày gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà K nhưng bà vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 288, 463 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: ông D, bà K cư trú tại tổ dân phố L, thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Ngân hàng yêu cầu trả nợ gốc, nợ lãi theo hợp đồng tín dụng. Do đó, quan hệ pháp luật giải quyết là “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn - bà K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hiệu lực của hợp đồng tín dụng:

Ngày 11/11/2019, ông D ủy quyền cho bà K ký kết hợp đồng tín dụng, nhận tiền vay. Việc ủy quyền được lập thành văn bản và được UBND thị trấn Đông Phú, huyện Quế Sơn chứng thực nên việc ủy quyền trên là hợp pháp.

Ngày 12/11/2019, ngân hàng với bà K đã ký kết hợp đồng tín dụng số 4206-LAV-201901506. Việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa bà K với ngân hàng là tự thỏa thuận và hoàn toàn tự nguyện. Tại thời điểm giao kết, các bên tham gia ký kết có đủ thẩm quyền và năng lực giao kết hợp đồng. Hợp đồng tín dụng đảm bảo về mặt hình thức và nội dung không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Về yêu cầu khởi kiện:

Theo Hợp đồng tín dụng số 4206-LAV-201901506 ngày 12/11/2019 và Báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ ngày 08/12/2020 thì ngân hàng cho ông D và bà K vay số tiền 49.000.000 đồng, mục đích vay: phục vụ hoạt động kinh doanh và nhu cầu đời sống, thời hạn vay: 36 tháng, lãi suất vay: 9.5%/năm, lãi suất quá hạn: 14.25%/năm, kỳ hạn trả nợ gốc vào các ngày 08/12/2021, 08/12/2022, 08/12/2023 và trả nợ lãi 06 tháng một lần. Ông D và bà K đã nhận đủ số tiền ngân hàng giải ngân là 49.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông D và bà K chỉ trả được số tiền nợ gốc là 800.000 đồng và nợ lãi là 2.343.507 đồng, số nợ còn lại đến nay ông D và bà K không trả theo cam kết. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc việc trả nợ nhưng không có kết quả và số nợ trên đã quá hạn. Như vậy, ông D và bà K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Ông D và bà K đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 226/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm

2020. Tuy nhiên, ngày 11/11/2019 ông D có văn bản ủy quyền cho bà K vay vốn của ngân hàng, ngày 12/11/2019, bà K ký hợp đồng tín dụng. Tại phiên tòa, ông D thừa nhận việc vay vốn và đã nhận đủ số tiền vay vào ngày 08/12/2020. Như vậy, khoản nợ trên là nợ chung của vợ chồng ông D và bà K trong thời kỳ hôn nhân.

Do đó, ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông D và bà K trả tiền vay theo hợp đồng tín dụng là có căn cứ.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 và khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: buộc ông D và bà K có nghĩa vụ trả cho ngân hàng tổng số tiền là 53.990.242 đồng, trong đó: nợ gốc là 48.200.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 23/9/2022 gồm lãi trong hạn 5.670.433 đồng, lãi quá hạn 119.809 đồng. Ông D và bà K tiếp tục trả lãi quá hạn theo thỏa thuận của hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông D và bà K phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 288, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 27, khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N về việc "*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

1. Ông Võ D và bà Đặng Thị Kim K có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N tổng số tiền 53.990.242 (*năm mươi ba triệu chín trăm chín mươi nghìn hai trăm bốn mươi hai*) đồng, trong đó: nợ gốc là 48.200.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 23/9/2022 gồm lãi trong hạn là 5.670.433 đồng và lãi quá hạn là 119.809 đồng.

Kể từ ngày từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Võ D và bà Đặng Thị Kim K phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: ông Võ D và bà Đặng Thị Kim K phải chịu là 2.699.512 (*hai triệu sáu trăm chín mươi chín nghìn năm trăm mười hai*) đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng N, chi nhánh huyện Q, tỉnh Quảng Nam số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.313.244 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí,

lệ phí Tòa án số 0004739 ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/9/2022); đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Nguyễn Trần Nguyên Vỹ**